ĐỀ KIỂM TRA TOÁN LỚP 5

Kiểm tra Học kỳ 1 (mức nâng cao – đề 2)

15 câu · Thời gian gợi ý: 30 phút

Họ và tên: .....

Lớp: ..... Ngày: ...../...../.....

Điểm

Câu 1. Tìm số thích hợp

☐ × 36 = 69 768 – 7 272

Câu 2. Giá trị của chữ số

Trong số 46,734, chữ số 7 có giá trị là bao nhiêu?

A. 7 B. $\frac{7}{1000}$ C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{100}$

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện

16,42 + 20,2 + 2,58 + 7,8 = ?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 4. Đổi đơn vị

5,9 km² = ? ha

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 5. Đếm

Có bao nhiêu số tự nhiên x thỏa mãn $39{,}73 < x < 67{,}0$?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 6. Điền dấu >, <, =

7 cm² 4 mm² ... 714 mm²

A. > B. < C. =

Câu 7. Giải toán

Một hình thang có đáy lớn 33 m, đáy bé bằng $\frac{2}{3}$ đáy lớn, chiều cao ngắn hơn đáy bé 8 m. Tính diện tích hình thang.

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 8. Đếm phân số

Có bao nhiêu phân số tối giản có mẫu số 30, lớn hơn $\frac{1}{3}$ và bé hơn $\frac{3}{4}$?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 9. Tính bằng cách thuận tiện

$0{,}125 \times 8 \times 11{,}4 = ?$

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 10. Phân số thập phân

$\frac{1}{2} + \frac{2}{5} + \frac{1}{5} = \frac{x}{100}$. Tìm x.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 11. Giải toán

Hai thửa ruộng có tổng diện tích 7 ha. Thửa thứ nhất rộng hơn thửa thứ hai 4 000 m². Hỏi thửa thứ hai rộng bao nhiêu mét vuông?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 12. Giải toán

Một hình chữ nhật có chu vi 7,2 m, chiều dài hơn chiều rộng 220 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó bằng đề-xi-mét vuông.

Bài giải:

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

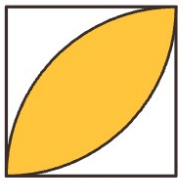
Câu 13. Giải toán

Một mảnh vườn hình chữ nhật dài 40 m, rộng 34 m. Người ta làm hai lối đi rộng 1 m cắt nhau ở giữa vườn: một lối song song với chiều dài, một lối song song với chiều rộng. Phần còn lại trồng rau. Tính diện tích trồng rau.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 14. Tính diện tích hình tô màu



Trong hình vuông cạnh 13 cm, vẽ hai phần tư hình tròn có tâm ở hai đỉnh đối nhau, bán kính bằng cạnh hình vuông. Hai phần tư hình tròn chồng lên nhau tạo thành hình chiếc lá (tô màu). Tính diện tích chiếc lá.

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 15. Giải toán

Cần chở 52 tạ gạo và 1 200 kg ngô. Mỗi chuyến xe chở được nhiều nhất 4,8 tấn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu chuyến xe?

Bài giải:

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

ĐÁP ÁN

Mã đề T5-HK1-15-N-44518 · Kiểm tra Học kỳ 1 (mức nâng cao – đề 2)

Câu 1: 1736 · Phép tính với số tự nhiên, trung bình cộng, tổng – hiệu

Vế phải: 69 768 − 7 272 = 62 496. Số cần tìm là 62 496 : 36 = 1 736.

Câu 2: C. $\frac{7}{10}$ · Khái niệm số thập phân: viết, đọc, giá trị chữ số

Chữ số 7 đứng thứ 1 sau dấu phẩy, tức là ở hàng phần mười. Vậy chữ số 7 có giá trị $\frac{7}{10}$.

Câu 3: 47 · Cộng số thập phân

Ghép thành từng cặp có tổng là số tự nhiên: (16,42 + 2,58) + (20,2 + 7,8) = 19 + 28 = 47.

Câu 4: 590 · Ki-lô-mét vuông, héc-ta

1 km² = 100 ha, nên 5,9 km² = 5,9 × 100 = 590 (ha).

Câu 5: 27 · So sánh, sắp xếp số thập phân

Số tự nhiên bé nhất lớn hơn 39,73 là 40. Số tự nhiên lớn nhất bé hơn 67,0 là 66 (x không được bằng 67). Từ 40 đến 66 có 66 − 40 + 1 = 27 số.

Câu 6: B. < · Bảng đơn vị đo diện tích

7 cm² 4 mm² = 700 mm² + 4 mm² = 704 mm². So sánh 704 với 714. Vậy 7 cm² 4 mm² < 714 mm².

Câu 7: 385 · Hình thang, diện tích hình thang

Đáy bé: 33 : 3 × 2 = 22 (m). Chiều cao: 22 − 8 = 14 (m). Diện tích: (33 + 22) × 14 : 2 = 385 (m²).

Câu 8: 4 · Ôn tập phân số: rút gọn, so sánh, phân số bằng nhau

Đổi về mẫu số 30: tử số nằm giữa 10 và 22.5. Chỉ giữ các tử số không có ước chung với 30 (khác 1). Có 4 phân số.

Câu 9: 11,4 · Nhân, chia với 10; 100; 1 000 và 0,1; 0,01; 0,001

Ghép hai thừa số có tích tròn: 0,125 × 8 = 1. Biểu thức thành 1 × 11,4 = 11,4.

Câu 10: 110 · Phân số thập phân

Đổi từng phân số về mẫu số 100: $\frac{50}{100} + \frac{40}{100} + \frac{20}{100}$. Cộng tử số: $x = 50 + 40 + 20 = 110$.

Câu 11: 33000 · Thực hành đo, ước lượng diện tích

Đổi 7 ha = 70 000 m². Thửa thứ hai: (70 000 − 4 000) : 2 = 33 000 (m²).

Câu 12: 203 · Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân

Đổi: 7,2 m = 72 dm; 220 cm = 22 dm. Nửa chu vi: 72 : 2 = 36 (dm). Chiều dài: (36 + 22) : 2 = 29 (dm), chiều rộng: 36 − 29 = 7 (dm). Diện tích: 29 × 7 = 203 (dm²).

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 13: **1287** · Ôn tập chu vi, diện tích hình phẳng

Dồn hai lối đi sát vào hai cạnh vườn thì phần trồng rau ghép thành một hình chữ nhật dài 40 − 1 = 39 (m), rộng 34 − 1 = 33 (m). Diện tích trồng rau: 39 × 33 = 1 287 (m²).

Câu 14: **96,33** · Hình ghép: lắp ghép, tạo hình

Mỗi phần tư hình tròn: 13 × 13 × 3,14 : 4 = 132,665 (cm²). Hai phần tư hình tròn phủ kín hình vuông và chồng lên nhau đúng phần chiếc lá. Chiếc lá: 132,665 × 2 − 13 × 13 = 96,33 (cm²).

Câu 15: **2** · Ôn tập đo lường

Đổi ra tấn: 52 tạ = 5,2 tấn; 1 200 kg = 1,2 tấn. Tổng: 5,2 + 1,2 = 6,4 (tấn). 6,4 : 4,8 được 1 và còn dư, nên phải thêm một chuyến nữa: 1 + 1 = 2 (chuyến).

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký